

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2020/DS-PT

Ngày: 07/9/2020

V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Lê Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 8 và 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2020/TLPT-DS, ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 173/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Đức Q, sinh năm 1947; cư trú tại: Chung cư T, phường T, Quận T, Thành phố HCM.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị C, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1977 (vợ ông Vũ Đức Q); cùng địa chỉ với ông Q;

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Vũ Đức Q là nguyên đơn trong vụ án (theo Văn bản ủy quyền ngày 03-5-2019).

2. Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1981; cư trú tại: Số A, tổ B, ấp B, xã X, huyện H, Thành phố HCM.

- *Người kháng cáo:* Ông Vũ Đức Q là nguyên đơn.

Ông Q có mặt, bà H, bà C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Vũ Đức Q trình bày:

Vào ngày 16-5-2016, ông có cho bà Trần Thị C mượn 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên (sau đây gọi tắt là QSDĐ) số H03178 cấp ngày 28-5-2014, thửa đất số 705, tờ bản đồ số 10 (bản đồ 2005) diện tích 655 m² tại ấp Hòa Hội, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Việc cho mượn có lập thành văn bản do ông viết, thời hạn cho mượn 03 tháng, bà C có ký tên, điểm chỉ; bà Trần Thị R ký tên người làm chứng (hiện nay bà R đã chết). Mục đích ông cho bà C mượn giấy chứng nhận QSDĐ để bà C vay tiền của người khác. Hết thời hạn 3 tháng, bà C nói phải làm hợp đồng chuyển nhượng đất thì họ mới cho vay nên ông đồng ý. Sau đó, bà C và một số người lạ mặt đưa ông đến phòng công chứng tại thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng yêu cầu ông ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên. Thực tế, ông không nhận tiền từ việc chuyển nhượng QSDĐ, ông cũng không biết bà C vay của họ bao nhiêu tiền. Bà C hứa sẽ chuộc lại đất trả cho ông nhưng đến nay không thực hiện. Nay ông yêu cầu bà C trả cho ông giá trị của QSDĐ diện tích 655 m² nêu trên là 600.000.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị C trình bày: Bà không mượn giấy chứng nhận QSDĐ của ông Q mà bà Trần Thị R mới là người mượn; bà có ký tên người làm chứng, do không biết chữ và không đọc lại nội dung nên bà R kêu ký vào giấy mượn thì bà ký tên chứ bà không mượn giấy chứng nhận QSDĐ và không mượn tiền gì của ông Q. Bà R mượn giấy chứng nhận QSDĐ của ông Q, sau đó, chuyển nhượng QSDĐ cho người khác với giá 100.000.000 đồng; bà R, ông Q ra phòng công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng, bà có chứng kiến sự việc này. Theo bà biết thì bà R có vay tiền của ông Q nhưng không biết vay số tiền bao nhiêu. Bà không đồng ý trả cho ông Q số tiền 600.000.000 đồng như ông Q khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh T do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà T là vợ của ông Q. Bà T có cùng ý kiến và yêu cầu như ông Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim H: Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị Hương không đến Tòa án tham gia tố tụng, không thể hiện ý kiến trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 166, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức Q tranh chấp đòi bà Trần Thị C trả số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 01 năm 2020, ông Vũ Đức Q kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà H đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C và Hương theo quy định tại các Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Q: Ông Q thừa nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H là tự nguyện và mục đích chuyển nhượng là để trả nợ thay cho bà C. Thực tế ông cũng không còn quản lý phần đất của ông kể từ khi làm thủ tục chuyển nhượng đất cho bà H. Do đó, ông Q không yêu cầu và cấp sơ thẩm không giải quyết đối với hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông Q và bà H là có căn cứ.

[3] Ông Q cho rằng giữa ông và bà C có thỏa thuận ông dùng QSDĐ của mình để trả nợ thay cho bà C và bà C sẽ chuộc lại đất để trả lại cho ông nhưng bà C không thừa nhận, ông Q cung cấp tài liệu là văn bản lập ngày 16-5-2016 mang tên Trần Thị C có chữ ký và điểm chỉ của bà C với nội dung bà C mượn của ông Giấy CNQSDĐ và làm giấy bán đất cho bà C. Ông Q cho rằng đây là chứng cứ

chứng minh việc bà C mượn giấy chứng nhận QSDĐ của ông để vay tiền của người khác và ông đã chuyển nhượng QSDĐ để trả tiền thay bà C, tuy nhiên, xét thấy thời hạn mượn giấy chứng nhận QSDĐ là 03 tháng, hết thời hạn này ông mới chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H, do đó, không có căn cứ chứng minh việc bà C mượn giấy chứng nhận QSDĐ của ông có liên quan đến việc ông chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H hay liên quan đến việc thỏa thuận trả nợ thay như ông trình bày.

[4] Mặt khác, bà H không cung cấp lời khai cho Tòa án nhưng tại phiên tòa, ông Q cho rằng việc ông chuyển nhượng đất cho bà H để trả nợ thay cho bà C nhưng chính ông cũng không xác định được số tiền ông đã trả thay là bao nhiêu và ai là người nhận tiền. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có cơ sở, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Đức Q.

[6] Về án phí phúc thẩm: Ông Q phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông Q là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ vào Điều 166, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức Q tranh chấp đòi bà Trần Thị C trả số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông Vũ Đức Q được miễn nộp.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND. H Trảng Bàng;
- CCTHADS. H Trảng Bàng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Hồng Mai

